



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 62:2021/BTNMT

(DỰ THẢO 201207)

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI**

National Technical Regulation on the Effluent of Livestock

HÀ NỘI - 2021

QCVN 62:2021/BTNMT

Lời nói đầu

QCVN 62:2021/BTNMT thay thế QCVN 62-MT:2016/BTNMT

QCVN 62:2021/BTNMT do Tổng cục Môi trường biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và được ban hành theo Thông tư số .../2021/TT-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NƯỚC THẢI CHĂN NUÔI

National Technical Regulation on the Effluent of Livestock

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn này áp dụng riêng đối với cơ sở chăn nuôi khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2.2. Nước thải chăn nuôi khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải tuân thủ theo quy định về đầu nối, tiếp nhận của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.3. Nước thải phát sinh từ hoạt động nuôi, nhốt của cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm khi nhập cùng nước thải giết mổ được quản lý như nước thải công nghiệp.

1.2.4. Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt khi nhập cùng nước thải chăn nuôi thì được quản lý như nước thải tại Quy chuẩn này.

1.3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. *Cơ sở chăn nuôi* là nơi nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản vật nuôi theo quy định pháp luật về chăn nuôi. Cơ sở chăn nuôi bao gồm: Chăn nuôi trang trại quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ; chăn nuôi nông hộ.

1.3.2. *Nước thải chăn nuôi* là nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi và được xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.3.3. *Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung* là tên gọi chung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế.

1.3.4. *Hệ thống xử lý nước thải tập trung* bao gồm công trình xử lý và mạng lưới thu gom, thoát nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề và các khu vực khác theo quy định pháp luật.

1.3.5. *Nguồn tiếp nhận nước thải* là vùng nước mặt và vùng nước biển. Nguồn tiếp nhận nước thải được xác định theo *mục tiêu quản lý chất lượng môi trường nước mặt* (căn cứ theo QCVN 08:2021/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt) hoặc *vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo* (được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết tiêu chí phân cấp vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và hướng dẫn phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo). Cụ thể như sau:

QCVN 62:2021/BTNMT

- **Vùng A:** Là vùng cần được quản lý nhằm mục tiêu duy trì hoặc hướng tới mục tiêu chất lượng nước tương đương Cột A của QCVN 08:2021/BTNMT; vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo có giá trị chỉ số I_0 từ 2,5 trở lên (tương ứng Cột A Bảng 1 và Bảng 2 Quy chuẩn này).

Áp dụng vùng A tương ứng với Cột A (của QCVN 62-MT:2016/BTNMT) đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho đến thời điểm có quy định việc phân vùng xả nước thải.

- **Vùng B:** Là vùng cần được quản lý nhằm mục tiêu duy trì hoặc hướng tới mục tiêu chất lượng nước tương đương Cột B của QCVN 08:2021/BTNMT; vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo có giá trị chỉ số I_0 từ 1,5 đến dưới 2,5 (tương ứng Cột B Bảng 1 và Bảng 2 Quy chuẩn này).

- **Vùng C:** Các vùng nước mặt và nước biển còn lại (tương ứng Cột C Bảng 1 và Bảng 2 Quy chuẩn này).

Áp dụng vùng B và C tương ứng với Cột B (của QCVN 62-MT:2016/BTNMT) đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho đến thời điểm có quy định việc phân vùng xả nước thải.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định đối với cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm áp dụng đối với cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	Vùng tiếp nhận nước thải		
			A	B	C
1	pH	-	6 - 9	6 - 9	6 - 9
2	BOD ₅	mg/l	40	100	120
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40	100	120
4	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	50	120	150
5	Tổng Phốt pho (theo P)	mg/l	40	80	100
6	Tổng Coliform	MPN/100 ml	100	3 000	3 000

2.2. Quy định đối với cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải Đăng ký môi trường

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải Đăng ký môi trường khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2: Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm áp dụng đối với cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải Đăng ký môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	Vùng tiếp nhận nước thải		
			A	B	C
1	pH	-	6 - 9	6 - 9	6 - 9
2	BOD ₅	mg/l	40	120	150
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40	120	150
4	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	50	150	200
5	Tổng Phốt pho (theo P)	mg/l	40	100	100
6	Tổng Coliform	MPN/100 ml	100	3 000	3 000

2.3. Quy định đối với cơ sở chăn nuôi có quy mô chưa đến mức phải Đăng ký môi trường

Cơ sở chăn nuôi có quy mô chưa đến mức Đăng ký môi trường phải lắp đặt, vận hành công trình hoặc biện pháp xử lý chất thải tương tự như quy trình, quy mô, công suất phù hợp với Hướng dẫn kỹ thuật lắp đặt, sử dụng công trình khí sinh học nắp cố định, công trình khí sinh học bằng vật liệu composite và quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh học chăn nuôi lợn, gà (ban hành kèm theo Quyết định số 3194/QĐ-BNN-CN ngày 11 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

Phương pháp lấy mẫu và xác định các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường.

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường và Đăng ký môi trường theo quy định pháp luật phải bảo đảm giá trị nồng độ thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi không được vượt ngoài ngưỡng giá trị tối đa cho phép quy định tương ứng tại Bảng 1 hoặc Bảng 2 Quy chuẩn này.

4.2. Việc quan trắc thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 Quy chuẩn này phải được thực hiện bởi các tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5. ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

5.1. Điều khoản chuyển tiếp đối với việc áp dụng ngưỡng giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm:

5.1.1. Các dự án, cơ sở chăn nuôi dưới đây được tiếp tục áp dụng QCVN 62-MT:2016/BTNMT đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp tổ

chức, cá nhân có văn bản yêu cầu thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn này và được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản:

a) Cơ sở chăn nuôi đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án, cơ sở chăn nuôi đang trong quá trình xây dựng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc hồ sơ tương đương) đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực thi hành.

c) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương ban hành trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, áp dụng Quy chuẩn này đối với tất cả các cơ sở chăn nuôi quy định tại Mục 5.1.1 Quy chuẩn này.

5.1.2. Dự án, cơ sở chăn nuôi được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép môi trường (trừ trường hợp quy định tại Mục 5.1.1 Quy chuẩn này), hồ sơ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường sau ngày Quy chuẩn này có hiệu lực thi hành phải áp dụng Quy chuẩn này.

5.2. Điều khoản chuyển tiếp đối với việc áp dụng phân vùng xả thải:

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, tiếp nhận nhưng nguồn tiếp nhận nước thải chưa được phân vùng theo quy định tại Mục 1.3.5 Quy chuẩn này được thực hiện như sau:

5.2.1. Áp dụng vùng A quy định tại Mục 1.3.5 Quy chuẩn này tương ứng với Cột A (của QCVN 62-MT:2016/BTNMT) đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho đến thời điểm Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quy định việc phân vùng xả nước thải.

5.2.2. Áp dụng vùng B và C quy định tại Mục 1.3.5 Quy chuẩn này tương ứng với Cột B (của QCVN 62-MT:2016/BTNMT) đã được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cho đến thời điểm Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quy định việc phân vùng xả nước thải.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Căn cứ Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước đối với các sông, hồ liên tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố danh mục các vùng tiếp

nhận nước thải quy định tại Mục 1.3.5 Quy chuẩn này đối với các vùng nước mặt liên tỉnh.

6.2. Căn cứ Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ nội tỉnh và vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

6.2.1. Công bố danh mục các vùng tiếp nhận nước thải quy định tại Mục 1.3.5 Quy chuẩn này đối với vùng nước mặt nội tỉnh và vùng nước biển thuộc địa bàn quản lý.

6.2.2. Ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải chăn nuôi theo hướng nghiêm ngặt, chặt chẽ hơn so với quy định tại Quy chuẩn này.

6.3. Tổng cục Môi trường và Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.4. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn tại Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản, quy định mới./.